

NGƯỜI HÔNG

VỚI VIỆC GÌN GIỮ NHỮNG GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

MAÍ THANH SƠN

Theo các nhà dân tộc học, người Hmông chỉ mới có mặt ở Việt Nam khoảng trên dưới 300 năm. Mặc dù vậy, họ đã hội nhập tích cực vào dòng văn hóa chung của quốc gia/dân tộc, trở thành một bộ phận không thể chia cắt của đất nước. Văn hóa Hmông là một bộ phận của văn hóa Việt Nam, tạo nên sự đa dạng trong một thực thể thống nhất.

Bản đồ phân bố tộc người hiện nay cho thấy, người Hmông chủ yếu sinh sống ở các tỉnh miền núi miền Bắc (đông nhất là ở Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Sơn La và Nghệ An). Nếu dựa theo cách phân bậc độ cao của các nhà dân tộc - địa lý học Việt Nam, hầu hết các làng bản Hmông (*giào*) đều được lập trên các khu vực *núi cao* (phân biệt với vùng *núi giữa* và *núi thấp*). Đặc điểm cư trú đó đã góp phần không nhỏ vào việc kiến tạo những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc này.

1. Người Hmông là tộc người có tính tự tôn cao, có nền văn hóa lâu đời và cho đến nay họ vẫn tự khẳng định mình với một bản sắc riêng không thể trộn lẫn. Đó là một tộc người lấy nông nghiệp trồng trọt trên đất dốc, với tính chống chịu cao nhờ vào hệ cây trồng đa dạng, làm cơ sở kinh tế chủ đạo; được hỗ trợ bằng các hoạt động khác như thủ công nghiệp gia đình, hái lượm và săn bắt. Trong nhiều năm qua, một số nhóm Hmông thường được biết đến như những cộng đồng người du cư điển hình và là "tội đồ" của rừng. Bức tranh ảm

đạm được nhiều người tô vẽ là người Hmông luôn trong tình trạng du canh du cư và họ cứ đi đến đâu thì ở đó mất rừng. Nhưng thật ra, điều đó chỉ đúng với một số ít nhóm Hmông còn duy trì hình thức quảng canh trên nương đốt. Nếu có điều kiện ghé qua các bản Hmông Trắng ở Hà Giang, Hmông Hoa ở Bắc Hà (Lào Cai), Mù Căng Chải (Yên Bái) hay các nhóm Hmông Sa Pa, chúng ta sẽ thấy lạc quan hơn và không khỏi nghi ngờ tính xác thực của những thông tin thường nhận được về người Hmông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Tại các khu vực này, người Hmông từng sinh sống ổn định hàng trăm năm nay bởi họ còn giữ được những truyền thống kỹ thuật tương thích, chẳng hạn như làm ruộng bậc thang (ở Bắc Hà, Sa Pa) hoặc làm nương định canh (nương cây và nương thổ canh hốc đá - như với người Hmông ở phía bắc Hà Giang). Khuôn mẫu mà chúng ta thường thấy ở các địa phương kể trên là *định cư - du canh luân khoảnh*. Các thôn trại của họ tương đối ổn định và luôn được mở rộng về mặt quy mô, còn chuyện du canh luân khoảnh trên thực tế cũng là kinh nghiệm phổ biến ở nhiều dân tộc đang canh tác trên đất dốc. Có điều, việc gia tăng dân số với tốc độ cao đã luôn đặt họ trước khả năng thiếu hụt đất trồng. Đó cũng chính là nguyên nhân dẫn đến hiện tượng di dân cục bộ, nghĩa là, khi thôn bản nào đó xảy ra tình trạng nhân mãn, một bộ phận sẽ tách ra và chuyển đến địa phương khác.

2. Người Hmông có những đặc điểm và chuẩn mực riêng trong văn hóa vật thể cũng như phi vật thể, gia đình cũng như xã hội. Các yếu tố văn hóa vật chất của người Hmông như nhà cửa, trang phục không chỉ có chức năng sinh học (bảo vệ con người) mà còn có nhiều chức năng xã hội khác (mà dễ nhận thấy nhất là ở chỗ nó giúp cho chúng ta nhận biết tộc người - thậm chí có thể nhận biết cả các nhóm địa phương). Nhà cửa của họ có cấu trúc kỹ thuật và nhất là cách bố cục mặt bằng sinh hoạt riêng, chặt chẽ trong mối quan hệ gia đình, phân vị chủ khách rõ ràng. Trang phục của họ không lẫn với bất kỳ dân tộc nào khác, kể cả trong cách tạo dáng cũng như các phương án trang trí hoa văn trên đó. Như vậy, không chỉ dừng lại ở các giá trị vật chất, nhà cửa hay trang phục của người Hmông còn phản ánh các tri thức bản địa (kỹ thuật tạo tác nhà cửa hay trang phục), những tâm thức tộc người liên quan đến tín ngưỡng (thờ cúng, kiêng kị trong nhà) và tư duy thẩm mỹ cộng đồng.

Người Hmông có một cấu trúc xã hội chặt chẽ thể hiện qua những mối quan hệ từ thấp đến cao như gia đình - dòng họ - thôn trại - và liên thôn trại (khu vực / vùng / miền). Cũng như ở các tộc người khác, gia đình được coi là tế bào nhỏ nhất của xã hội Hmông, là môi trường đầu tiên để mỗi cá nhân tiếp thu những giá trị văn hóa truyền thống. Dòng họ, mặc dù không còn tồn tại với tư cách là một tổ chức kinh tế - xã hội, nhưng vẫn có vai trò quan trọng trong đời sống tộc người, ít nhất là ở ý thức về một ông tổ chung, cũng có nghĩa là sự ý thức về nguồn cội. Thôn trại (*giào*) là môi trường cộng cư - cộng sinh, bao giờ cũng được hình thành với sự góp mặt của

nhiều dòng họ, là một đơn vị xã hội tự quản, vận hành theo những định chế riêng. Thôn trại của người Hmông là một cấu trúc vừa chặt chẽ, vừa linh hoạt; vừa đóng, vừa mở. Mỗi thôn trại thường có những tập tục riêng, mọi thành viên trong công xã đều phải tuân thủ không điều kiện. Nhưng trong trường hợp cần thiết, một thành viên (hay nhóm thành viên) nào đó hoàn toàn có thể tự do thoát ly khỏi sự chế tài đó. Trường hợp này thường xảy ra khi có sự chuyển cư của các bộ phận riêng lẻ đến địa phương khác. Các thôn trại người Hmông thường có mối quan hệ qua lại dưới nhiều hình thức: họ tộc, hôn nhân, anh em kết nghĩa và trên hết là ý thức về một tộc người thống nhất trong ngôn ngữ và văn hóa, cho dù giữa các nhóm dân tộc học hay các vùng/miền có sự khác nhau nào đó ở những chi tiết văn hóa cụ thể.

Đặc trưng văn hóa phi vật thể của người Hmông không chỉ được thể hiện qua những tri thức bản địa trong sản xuất hay các thể chế xã hội mà còn được phản ánh trong thế giới quan tôn giáo và các bộ môn văn nghệ cổ truyền của họ như truyền thuyết, cổ tích, dân ca, dân nhạc, dân vũ, các trò chơi dân gian, v.v... Giai điệu trầm buồn của chiếc khèn Hmông, nổi xót xa của "tiếng hát mồ côi", sự cay cực của "tiếng hát làm dâu" hay âm hưởng da diết nhớ thương của "tiếng hát tình yêu" (*gầu plênh*) dường như đã được đồng nhất với đặc trưng văn hóa của dân tộc này. Tất cả các yếu tố đó đều tồn tại trên nền tảng cộng đồng. Môi trường tốt nhất để các hoạt động đó diễn ra chính là những dịp sinh hoạt cộng đồng đặc biệt như lễ hội (*nào sống* - lễ ăn ước, *gầu tào*, còn gọi là *sải sán* - tức lễ hội cầu phúc mùa xuân), chợ

phiên, tang ma, cưới hỏi, v.v... Tính chất mùa vụ của nông lịch tạo nên một nhịp điệu sinh hoạt ổn định từ năm này sang năm khác, từ đời này sang đời khác trong một dòng chảy liên tục.

3. Nói như thế, không có nghĩa rằng văn hóa Hmông luôn bị đóng kín. Thực tế cho thấy, trong trường kỳ lịch sử, quá trình tiếp biến văn hóa (acculturation) ở người Hmông từng diễn ra mạnh mẽ với xu hướng bản địa hóa hoặc bản tộc hóa những yếu tố văn hóa ngoại lai. Chẳng hạn như, chúng ta có thể dễ dàng nhận ra những yếu tố ngôn ngữ Hán trong tiếng Hmông hay các món ăn có nguồn gốc từ người Hán trong mâm cơm của họ. Đó là sự tiếp thu tự nguyện, có chọn lọc, phù hợp với diễn trình phát triển của cộng đồng và vì vậy, nó làm giàu thêm cho vốn văn hóa của người Hmông. Sự đột biến trong văn hóa của dân tộc này chỉ xảy ra từ khi văn hóa phương Tây và văn minh công nghiệp ảnh hưởng trực tiếp lên miền núi.

Có lẽ những người Hmông đầu tiên chịu ảnh hưởng của văn hóa phương Tây chính là một bộ phận sinh sống gần các thị tứ của tỉnh Lào Cai, Yên Bái và Hà Giang. Tại Sa Pa (Lào Cai) và Trạm Tấu (Yên Bái), thậm chí đã có những người Hmông cải theo đạo Thiên Chúa từ những năm đầu của thế kỷ XX. Đối với nhóm này, các yếu tố tín ngưỡng truyền thống vốn tồn tại hàng ngàn năm đã bị loại bỏ, phần nào đó là cả những chuẩn mực xã hội và tiêu chí đạo đức cộng đồng. Tuy nhiên, những tác động do sự chia rẽ tôn giáo đó không hẳn lớn hơn so với các sự kiện lịch sử của nửa sau thế kỷ XX.

Cũng như các tộc người khác ở Việt Nam, người Hmông đã phải chịu ảnh hưởng to lớn của các cuộc chiến tranh giữ nước suốt hai thế kỷ qua, nhất là của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Một mặt, qua các cuộc chiến đó, ý thức về quốc gia - dân tộc ở người Hmông đã được bồi đắp, họ gắn bó chặt chẽ hơn với tộc người đa số của quốc gia là người Việt. Nhưng mặt khác, chiến tranh cũng đã dẫn đến những biến đổi sâu sắc trong đời sống văn hóa cộng đồng.

Để đảm bảo cho sự thắng lợi cuối cùng của các cuộc chiến tranh giữ nước, Đảng và Nhà nước Việt Nam vừa chủ trương đoàn kết dân tộc, vừa cố gắng thực hiện các cuộc vận động lớn nhằm ổn định hậu phương và tiết kiệm nhân tài vật lực. Trong những năm 60 của thế kỷ trước, đã có hai cuộc vận động lớn ở miền núi, trong đó có vùng người Hmông: Một là, cuộc vận động định canh định cư đối với đồng bào các tộc người thiểu số và đưa người Việt ở miền xuôi lên xây dựng kinh tế mới; hai là, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng - khoa học kỹ thuật, quan hệ sản xuất và tư tưởng văn hóa. Thực tế đã chứng minh tính đúng đắn của các chủ trương chung mà Đảng và Nhà nước đã tiến hành ở vùng cao. Cuộc sống của người dân đã được cải thiện rõ rệt, mạng lưới mậu dịch, y tế, trường học được xây dựng và mở mang ở khắp các địa phương. Các sản phẩm của nền văn hóa công nghiệp từng bước tham gia vào cuộc sống của người dân.

Nhưng không phải mọi chủ trương của Đảng và Nhà nước đều chỉ có những tác động tích cực. Sau này, người ta đã nhận ra những thiếu sót, chủ yếu là hữu khuynh khe khát, khi đề ra và thực hiện

một vài biện pháp cụ thể. Chẳng hạn như, việc di dân từ miền xuôi lên miền núi, ngoài mặt tích cực, còn làm gia tăng sức ép về dân số, và điều đáng nói hơn là đôi chỗ đã có sự áp đặt về văn hóa cho các tộc người thiểu số theo tiêu chí của người Việt. Hoặc như, trong nội dung cuộc cách mạng văn hóa, một thời người ta quan niệm rằng, những nghi thức tín ngưỡng chính là biểu hiện cụ thể của tệ mê tín dị đoan. Vì thế, bên cạnh sự vận động xoá bỏ các hủ tục trong ma chay, cưới xin, các lễ hội truyền thống mang tính cộng đồng của người Hmông, như lễ *nào sông* và hội *gầu tào/sải sán*, đều bị cấm. *Nào sông* là lễ thể của thôn trại. Trong lễ đó, trước thần linh, các thành viên nam trong công xã sẽ cam kết với nhau về việc bảo vệ mùa màng, gia súc, rừng cấm trên cơ sở của tình đoàn kết. *Gầu tào/sải sán* thực ra là lễ hội tạ ơn trời đất, tổ tiên, cầu phúc và cả giao duyên nữa. Căn cứ vào nội dung văn hóa, có thể nói rằng, các lễ hội này đều hàm chứa những ý nghĩa nhân văn cao cả. Điều quan trọng hơn, đó chính là môi trường nuôi dưỡng tính cố kết tộc người và tiếp thêm sức sống cho các giá trị văn hóa phi vật thể truyền thống khác. Vì thế, có thể coi đó là những mỹ tục.

Sau chiến tranh là cả một thời kỳ khủng hoảng về kinh tế, kéo theo sự xuống cấp của các yếu tố văn hóa xã hội. Đây đó còn có cả sự khủng hoảng về lòng tin. Đó chính là mảnh đất tốt cho sự du nhập những yếu tố tôn giáo tiêu cực.

Gần 20 năm trở lại đây, do ảnh hưởng trực tiếp của tiến trình đổi mới với nội dung cơ bản là công nghiệp hóa - hiện đại hóa, kinh tế - xã hội miền núi và vùng người Hmông đã có những đổi thay đáng kể. Nhờ có những chính sách đúng đắn

của Nhà nước trong sản xuất kinh tế, nhất là trong nông nghiệp, đời sống của người Hmông ở tất cả các địa phương đều được nâng cao. Một số vùng người Hmông còn trở thành những trung tâm du lịch như Sa Pa hoặc Bắc Hà. Với những tiến bộ của khoa học và công nghệ, người Hmông cũng được tiếp xúc rộng rãi hơn với thế giới bên ngoài. Đó là những thành tựu không thể phủ nhận. Tuy nhiên, cũng vì thế mà văn hóa truyền thống của người Hmông trở nên mong manh trước sức ép của nền văn hóa công nghiệp mang tính toàn cầu. "*Tự đánh mất bản sắc văn hóa của mình*" đang là nguy cơ tiềm tàng ở người Hmông.

Người dân miền núi nói chung, người Hmông nói riêng, bước vào cuộc sống công nghiệp hiện đại từ một xuất phát điểm rất thấp. Đó là một diễn trình chông gai với liên tiếp các đứt gãy vì phải đốt cháy giai đoạn và do vậy, thật khó có thể kết hợp một cách nhuần nhuyễn giữa truyền thống và hiện đại. Trước ảnh hưởng tất yếu của văn minh công nghiệp, vốn luôn đặt hiệu quả kinh tế lên hàng đầu, người Hmông - cũng như nhiều tộc người khác - thường mặc cảm với những gì mình đang có và háo hức tiếp thu những gì được áp đặt. Các tri thức bản địa của họ bị quên lãng, một phần cũng do người dân ngộ nhận rằng đó là những yếu tố văn hóa lạc hậu. Một số thuần phong mỹ tục của họ cũng đang bị xâm hại do sự xác lập vội vã của các chuẩn mực mới.

Tôi đã có nhiều dịp đi dã dã tại các vùng người Hmông ở Hoà Bình, Lào Cai và Hà Giang, đặc biệt là trong các vùng đang có các dự án phát triển của Chính phủ hoặc do các NGO tài trợ. Tôi nhận thấy, người Hmông có thể tiếp thu rất nhanh các kỹ năng mới (chẳng hạn như trong kỹ thuật

dệt may) và tiếp cận thị trường một cách có hiệu quả (với những sản phẩm do mình tự làm ra hoặc trao đổi với các dân tộc khác mà có). Một số dự án - chẳng hạn như trồng mạn tam hoa ở Bắc Hà, du lịch bền vững ở Sa Pa, thổ cẩm ở một số địa phương thuộc Lào Cai, Hà Giang và Hoà Bình - thực sự đã đạt được những kết quả khả quan, nếu chỉ xét đơn thuần dưới góc độ mục tiêu kinh tế.

Tuy nhiên, liệu có thể coi là sự phát triển bền vững khi mà đồng thời với việc tăng thu nhập kinh tế là sự suy giảm các giá trị văn hóa truyền thống, nhất là trong văn hóa phi vật thể, và sự lệch chuẩn so với những tiêu chí đạo đức cộng đồng. Nhưng đổi mới trong tập quán sản xuất là cần thiết, vì mục tiêu an toàn lương thực và phát triển kinh tế hàng hoá. Phải nhận xét một cách khách quan rằng, trong hoạt động kinh tế nói riêng, các hoạt động vật chất nói chung, người Hmông đã tận dụng được một số tri thức bản địa để nâng cao cho phù hợp với nhu cầu phát triển. Các giống cây trồng mới (các giống lúa, ngô mới, mạn tam hoa, atiso, v.v...) và sự bổ sung kỹ thuật mới (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) vào tăng nền canh tác cổ truyền tỏ ra có hiệu quả và kết nối được những kinh nghiệm canh tác trên đất dốc. Một số dự án tiểu thủ công nghiệp cũng phát huy được những kỹ năng vốn có của người dân khi có sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại (ví dụ: kết hợp giữa thuốc nhuộm tự nhiên với các loại màu công nghiệp, các loại sợi truyền thống với len hay chỉ nylon, các dạng hoa văn cổ truyền được đưa và những sản phẩm mới vào để thoả mãn nhu cầu của thị trường, v.v...). Như vậy, chính vì nhờ có sự nhận thức đúng đắn và thiện chí của các nhà hoạch định chính

sách cũng như các cán bộ dự án mà tính liên tục giữa truyền thống và hiện đại trong một số hoạt động kinh tế của người Hmông đã được đảm bảo. Mặt khác, đa số người Hmông cơ bản vẫn giữ được những đặc trưng tộc người thể hiện qua nhà cửa và trang phục. Điều đó phần nào được bắt nguồn từ những lý do liên quan đến tín ngưỡng, yếu tố luôn được xem là bền vững nhất trong văn hóa tộc người.

Nhưng ở các lĩnh vực văn hóa phi vật thể khác, sự mất mát là rất lớn. Từ lâu, ở đa số các vùng Hmông đã không còn những sinh hoạt và lễ hội văn hóa truyền thống mang tính cộng đồng mà ở đó những giá trị văn hóa phi vật thể được nuôi dưỡng và tiếp sức. Đã vắng dần những pho sử sống của dân tộc, lớp trẻ ngày nay ưa xem TV hơn nghe những câu chuyện cổ tích của dân tộc mình. Thanh niên nam nữ không còn thích ném "papao", hát ống và tỏ tình bằng đàn môi. Những người biết thổi khèn cứ thưa vắng dần, những làn điệu dân ca chỉ còn là ký ức xa mờ của lớp người cao tuổi. Các điệu dân ca, dân nhạc, dân vũ Hmông không có cơ hội trình diễn ở cộng đồng mà được sân khấu hóa để phục vụ cho du khách. Nhiều đứa trẻ Hmông không còn được lớn lên trong những lời ru truyền cảm của mẹ. Và tai hại hơn, tại một vài khu du lịch, đã thấy những đứa trẻ bỏ học, bỏ nhà lang thang trên chợ buôn bán kiếm lời bất chấp những lời khuyên của cha mẹ. Sức ép của gia đình đã không còn thắng nổi sự cám dỗ của những mối lợi vật chất. Các mối liên kết cộng đồng với những tiêu chí truyền thống đã và đang bị thay thế bởi các chuẩn mực mới, lấy cá nhân làm trung tâm. Nền tảng cơ sở của văn hóa Hmông đang bị mất đi từng ngày.

4. Trên thực tế, tình trạng suy thoái văn hóa truyền thống không chỉ xảy ra với người Hmông mà với hầu hết các tộc người thiểu số khác ở Việt Nam. Tình hình đó khiến cho các nhà khoa học lúng túng còn những người tâm đắc với văn hóa truyền thống tộc người cảm thấy lo ngại. Một câu hỏi được đặt ra là: Làm thế nào để người Hmông vừa phát triển được cơ sở kinh tế - xã hội, vừa gìn giữ được những bản sắc riêng trong văn hóa tộc người? Khái niệm *gìn giữ* (hay *bảo tồn*) ở đây phải được hiểu như một thực thể sống, có ý nghĩa tích cực đối với đời sống cộng đồng chứ không chỉ được "đóng hộp" trong các bảo tàng. Tức là phải làm sao để *hiện đại hóa trên cơ sở của văn hóa truyền thống* như một dòng chảy liên tục?

Có hai vấn đề cần được nêu ra sau câu hỏi trên đây: Một là, chúng ta cần làm gì để khôi phục lại những nền tảng cơ sở của văn hóa đã và đang bị mất đi? Hai là, có thể kết hợp giữa truyền thống và hiện đại để xây dựng những chuẩn mực mới phù hợp với nhu cầu phát triển? Những vấn đề này phải được các nhà khoa học, các nhà quản lý giải quyết với sự tham gia một cách tích cực của người dân, được cộng đồng tộc người chấp nhận.

Trong một thời gian dài, đã có sự áp đặt những chính sách kinh tế - xã hội - văn hóa vào vùng người Hmông. Một số thất bại - ví như chủ trương xây dựng làng mới với các kiểu nhà của miền xuôi ở Mù Cang Chải (Yên Bái) - đã để lại nhiều bài học bổ ích. Vì thế, sự lựa chọn mô hình và con đường phát triển của mỗi tộc người cần phải dựa trên những nhu cầu của cộng đồng, do cộng đồng quyết định. Tuy nhiên, sự lựa chọn đó sẽ đúng đắn hơn nếu có sự định hướng của các nhà khoa học, văn hóa

học dưới sự đảm bảo của các thể chế chính trị và sự trợ giúp một cách có hiệu quả về y tế và giáo dục.

Thực tế cho thấy, trong cuộc sống, người dân luôn phải đối mặt với những sự lựa chọn khó khăn. Người dân - và cả nhiều nhà quản lý địa phương - thường hiểu chất lượng sống dưới góc độ vật chất hơn là có sự bổ sung của văn hóa tinh thần. Câu hỏi thường trực của họ là làm thế nào để sống tốt hơn/giàu có hơn về vật chất chứ không phải là làm thế nào để giữ được những câu chuyện cổ tích, những điệu khèn hay câu hát dân ca, ngoại trừ một điều gần như bắt buộc - đó là con đường về với tổ tiên sau khi chết.

Nhưng thực tế cũng cho thấy một khía cạnh khác: Khi cuộc sống vật chất được đáp ứng tốt hơn, người ta sẽ trở lại với những giá trị văn hóa phi vật thể truyền thống. Thậm chí, hiện tượng này đã trở thành cực đoan ở một vài dân tộc, mà điển hình chính là ở người Việt - bên cạnh sự phục hồi các sinh hoạt cộng đồng truyền thống, người ta đã làm sống lại cả các hủ tục như bói toán, đồng cốt, v.v.

Diễn biến tâm lý trên đây liệu có xảy ra ở người Hmông? Câu trả lời là: Có. Và chúng ta hoàn toàn có thể xem ý thức "**tim về nguồn**" như một lợi thế tâm lý để tìm ra lối thoát. Tôi đã từng được dự nhiều đám tang, đám cưới, đi nhiều chợ vùng cao của người Hmông. Tôi cũng hai lần được dự lễ hội *gầu tào* mới được tái tổ chức ở Mường Khương (Lào Cai) nhưng có sự tham gia của nhiều người Hmông đến từ các địa phương khác như Bắc Hà (Lào Cai), Mù Cang Chải hoặc Trạm Tấu (Yên Bái). Mặc dù hẳn đã có nhiều nét mới, ví như có sự tham gia của chính quyền cơ sở

hay các đoàn thể quần chúng, nhưng các sinh hoạt đó cơ bản vẫn giữ được những đặc điểm cổ truyền. Không thể phủ nhận được một thực tế là đa số người Hmông vẫn hào hứng với các sinh hoạt cộng đồng của dân tộc mình. Bởi lẽ, nó hoàn toàn phù hợp với ý nguyện của người dân và do người dân làm chủ, dưới sự hỗ trợ của chính quyền cơ sở và các đoàn thể. Rõ ràng là người Hmông ở đây đã và đang có những cố gắng để tìm lại sự cân bằng giữa cuộc sống vật chất và tinh thần.

Mặt khác, tại hầu hết các địa phương hiện nay đều thấy xuất hiện những phong trào văn hóa văn nghệ quần chúng lấy vốn cổ của các tộc người thiểu số làm mục tiêu khai thác. Nhiều cuộc liên hoan ở cấp tỉnh, cấp vùng/miền đã được tổ chức và thu hút nhiều nghệ nhân dân gian tham gia, trong đó có người Hmông. Điều đó chứng tỏ họ vẫn mong muốn có một “sân chơi” lành mạnh để tự thể hiện bản sắc văn hóa của mình. Tôi không đánh giá quá cao kết quả của các cuộc thi này, bởi còn nhiều vấn đề cần thảo luận, nhất là ở sự “cải biên” và “sân khấu hóa” các loại hình văn nghệ dân gian. Nhưng ít nhất, qua các cuộc thi như vậy, một phong trào “ôn cố” đã được phát động tương đối sâu rộng. Nếu có sự kết hợp chặt chẽ hơn với công tác điều tra, nghiên cứu cơ bản, sưu tầm và có biện pháp bảo tồn trong cộng đồng, những phong trào này hẳn có nhiều ý nghĩa thực tế hơn. Đó cũng là việc làm thiết thực để các yếu tố văn hóa phi vật thể của các tộc người thiểu số nói chung, người Hmông nói riêng có thể trở thành động lực của sự phát triển.

Tôi không có ý định đưa ra kết luận của mình, bởi lẽ vấn đề này dường như quá

lớn. Nhưng qua thực tế nghiên cứu, tôi thấy có hai điểm cần lưu ý:

- Cho đến nay, các giá trị văn hóa vật thể cũng như phi vật thể của người Hmông chưa được điều tra tổng thể và thống kê đầy đủ. Vì vậy, cần đẩy mạnh công tác nghiên cứu cơ bản trước khi quá muộn. Đây là nhiệm vụ của các cơ quan khoa học chuyên ngành như dân tộc học, văn hóa học, tôn giáo học, văn học, ngôn ngữ học và bảo tàng học với sự tham gia của người dân.

- Việc hoạch định các chính sách hay thực thi các dự án phát triển ở vùng người Hmông cần chú trọng gìn giữ các yếu tố văn hóa phi vật thể trên nền tảng cộng đồng. Sự can thiệp của các thể chế chính trị cũng như các NGO sẽ chỉ có ý nghĩa tích cực khi văn hóa truyền thống của người dân được tôn trọng và phát huy. Sự phát triển bền vững chỉ có thể có được khi chúng ta biết kết nối truyền thống với hiện đại và giữ được sự đa dạng văn hóa của các tộc người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

1. Viện Dân tộc học. *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội - 1978.
2. Sở Văn hóa-Thông tin Hà Giang. *Văn hóa truyền thống các dân tộc Hà Giang*, Hà Giang - 1994.
3. Cư Hoà Vãn, Hoàng Nam. *Dân tộc Mông ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội - 1994.
4. Trần Hữu Sơn. *Văn hóa Hmông*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội - 1996.
5. Trần Hữu Sơn. *Văn hóa dân gian Lào Cai*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội - 1997.
6. Lê Duy Đại - Triệu Đức Thanh (chủ biên). *Các dân tộc ở Hà Giang*, Nxb Thế Giới, Hà Nội - 2003.